

Số: ~~1870~~/TTg-ĐMDN*Hà Nội, ngày 07 tháng 11 năm 2012*

V/v tổng kết thực hiện Nghị quyết
số 28-NQ/TW của Bộ Chính trị về
sắp xếp, đổi mới và phát triển
nông, lâm trường quốc doanh

Kính gửi:

- Các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Nội vụ,
Tài nguyên và Môi trường, Lao động - Thương binh và Xã hội,
Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Quốc phòng, Công an;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam;
- Các Tổng công ty: Cà phê Việt Nam, Giấy Việt Nam;
- Binh đoàn 15, Binh đoàn 16 (Bộ Quốc phòng).

Triển khai Quyết định số 1587/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2003 của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển nông, lâm trường quốc doanh, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu:

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty Nhà nước có nông, lâm trường quốc doanh (Công ty nông, lâm nghiệp, Ban Quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng) tổng kết đánh giá kết quả sắp xếp, đổi mới và phát triển nông, lâm trường quốc doanh từ năm 2003 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 (nội dung báo cáo theo Đề cương và Phụ lục gửi kèm).

2. Các Bộ, ngành liên quan báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 28-NQ/TW, Nghị định số 170/2004/NĐ-CP, Nghị định số 200/2004/NĐ-CP về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển nông, lâm trường quốc doanh.

3. Bộ Tài chính tổng hợp báo cáo: Kết quả bàn giao cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội cho địa phương; tình hình tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh của các nông, lâm trường quốc doanh từ khi sắp xếp, đổi mới đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp báo cáo: Hiện trạng quản lý, sử dụng đất đai của các nông, lâm trường quốc doanh; kết quả rà soát, đo đạc, cắm mốc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển sang ký hợp đồng thuê đất đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

5. Báo cáo gửi Văn phòng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 15 tháng 12 năm 2012.

6. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, hoàn thiện báo cáo tổng kết Nghị quyết số 28-NQ/TW của Bộ Chính trị về sắp xếp, đổi mới nông, lâm trường quốc doanh, trình Phó Thủ tướng, Trưởng ban Ban Chỉ đạo trước ngày 15 tháng 01 năm 2013./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các PTT Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý: TTCP, các PTT các Vụ: KTTH, KTN, ĐP, TH, TKBT;
- Lưu: Văn thư, DMDN (3b). **XH 440**

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



The image shows the official seal of the Prime Minister of Vietnam, which is circular and contains the text 'HÀNG TRƯỞNG' and 'CHÍNH PHỦ'. Overlaid on the seal is a handwritten signature in black ink.

Vũ Văn Ninh



ĐỀ CƯƠNG
TỔNG KẾT VIỆC SẮP XẾP, ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN
NÔNG, LÂM TRƯỜNG QUỐC DOANH
(Ban hành kèm theo Công văn số ~~1870~~ 1870/TTg-ĐMDN
ngày 04 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ)

I. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI

1. Cơ sở pháp lý (ban hành các văn bản).

2. Công tác triển khai, chỉ đạo thực hiện.

a) Quán triệt, phổ biến nội dung Nghị quyết và Nghị định của Chính phủ.

b) Xây dựng đề án sắp xếp, đổi mới và phát triển nông, lâm trường quốc doanh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

(Trích nội dung cơ bản quyết định phê duyệt phương án sắp xếp, đổi mới nông, lâm trường quốc doanh của địa phương, đơn vị).

II. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Về sắp xếp mô hình tổ chức:

a) Số lượng nông, lâm trường quốc doanh tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 (bao gồm nông, lâm trường quốc doanh hạch toán độc lập và phụ thuộc), có so sánh tăng giảm so với trước khi sắp xếp.

Chia ra:

- Nông trường quốc doanh: Số lượng:

Trong đó:

+ Hạch toán độc lập:

+ Hạch toán phụ thuộc:

- Lâm trường quốc doanh: Số lượng:

Trong đó:

+ Hạch toán độc lập:

+ Hạch toán phụ thuộc:

- Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng: Số lượng:

b) Mô hình tổ chức tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

- Số nông, lâm trường thực hiện sản xuất kinh doanh:

Trong đó:

+ Nông trường quốc doanh:

+ Lâm trường quốc doanh:

- Số nông, lâm trường thực hiện dịch vụ công ích hoặc sự nghiệp, sự nghiệp có thu.

Trong đó:

+ Nông trường quốc doanh:

+ Lâm trường quốc doanh:

+ Ban quản lý:

c) Phương án thực hiện các hình thức sắp xếp:

- Chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên:

- Chuyển thành Ban quản lý:

- Sáp nhập, hợp nhất:

- Giải thể:

- Phá sản:

2. Về đổi mới quản lý sử dụng đất (tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2012).

a) Tổng số diện tích đất các nông, lâm trường quốc doanh đang quản lý, sử dụng hoặc thuê, so sánh tăng giảm so với trước khi sắp xếp.

Trong đó:

- Diện tích đất được giao:..... ha;

- Diện tích đất đã chuyển sang thuê ha;

b) Diện tích đất đã giao về cho địa phương quản lý....ha; đạt ...%, so sánh với kế hoạch dự kiến giao (diện tích dự kiến bàn giao cho địa phương là ... ha).

c) Kết quả xử lý các trường hợp sử dụng đất:

- Diện tích đất còn đang cho thuê:ha, đạt :...% so với diện tích trước sắp xếp.

- Diện tích đất còn đang cho mượn.....ha; đạt:...% so với diện tích trước sắp xếp.

- Diện tích đất còn đang tranh chấp....ha; đạt :...% so với diện tích trước sắp xếp.

- Diện tích đất còn đang bị lấn chiếm.....ha; đạt :...% so với diện tích trước sắp xếp.

- Diện tích đất đang liên doanhha; đạt :...% so với trước khi sắp xếp.

- Diện tích đất đang liên kếtha; đạt :...% so với trước khi sắp xếp.

d) Đối với đất nông, lâm trường giữ lại để sản xuất kinh doanh đang áp dụng các hình thức sử dụng:

- Giao khoán theo Nghị định 01/CP.....ha.

- Giao khoán theo Nghị định 135/NĐ-CP.....ha.

- Khoán công đoạn.....ha.

- Hình thức khác.....ha

đ) Diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận:.....ha; đạt...% so với tổng số diện tích đất của các nông, lâm trường còn giữ lại để sản xuất kinh doanh.

e) Diện tích đã ký hợp đồng thuê đất với địa phương:....ha; đạt....% so với tổng diện tích đất của các nông, lâm trường còn giữ lại để sản xuất kinh doanh.

g) Đánh giá khái quát kết quả rà soát đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; chuyển sang thuê đất; xử lý các trường hợp sử dụng đất sai mục đích; hiệu quả sử dụng đất.

3. Về đổi mới tài chính; tín dụng (tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2012):

a) Về tài chính:

- Vốn điều lệ:..... triệu đồng; tính bình quân/đơn vị:...triệu đồng.

- Vốn chủ sở hữu:..... triệu đồng; tính bình quân/đơn vị:...triệu đồng.

- Vốn vay:.... triệu đồng; tính bình quân/đơn vị:...triệu đồng.

- Các khoản phải thu:....triệu đồng; bình quân/đơn vị:...triệu đồng.

- Các khoản phải trả:... triệu đồng; bình quân/đơn vị:...triệu đồng.

- Kết quả xử lý tài chính theo quy định của Nghị quyết 28/NQ:
- + Số đơn vị được xử lý:
- + Tiền thanh lý vườn cây, rừng trồng, đàn gia súc, khấu hao cơ bản... để lại cho doanh nghiệp:..... triệu đồng.
- + Miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp:.....triệu đồng.
- Kết quả thực hiện Quyết định 255/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về bàn giao cơ sở hạ tầng, công trình công cộng.
- + Số lượng các công trình:
- + Giá trị.....triệu đồng.
- Đánh giá khái quát thực trạng vốn, tài sản và hiệu quả quản lý sử dụng vốn, tài sản của các đơn vị.

b) Về tín dụng:

- Số dư tín dụng đến ngày 30 tháng 6 năm 2012:.....
- + Trung hạn, dài hạn:.....
- + Ngắn hạn:.....
- Đánh giá việc vay vốn đem lại.....
- + So với nhu cầu vay vốn đạt.....% ;
- + Lãi xuất vay.....
- + Thời gian vay.....

4. Về sắp xếp lại lao động:

- Tổng số lao động hiện có tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 là:Trong đó:
- + Lao động trong danh sách đóng bảo hiểm xã hội:.....người.
- + Lao động nhận khoán đất..... người.

Chia ra:

- * Người nghỉ hưu nhận khoán:người.
- * Dân tại chỗ nhận khoán:.....người.

- Giải quyết lao động dôi dư:

+ Số lao động :..... người.

+ Kinh phí:..... người.

5. Về đổi mới công tác khoa học công nghệ:

- Áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ: (giống mới, phương pháp canh tác...).

- Kết quả sau áp dụng khoa học công nghệ, tiến bộ kỹ thuật.

+ Năng suất cây trồng, vật nuôi tăng thêm so với trước ứng dụng.

+ Giá trị tăng thêm; làm lợi...

6. Về kết quả thí điểm cổ phần hoá vườn cây, rừng trồng, đàn gia súc gắn với cổ phần hoá cơ sở chế biến (nếu có):

- Số đơn vị được chọn cổ phần hoá:

- Kết quả triển khai thực hiện: (được và chưa được, bài học rút ra).

7. Về kết quả chuyển đổi khoán sử dụng đất theo Nghị định 01/CP sang khoán theo Nghị định 135/NĐ-CP.

- Số diện tích đã ký lại hợp đồng chuyển đổi từ khoán theo Nghị định số 01/CP sang khoán theo Nghị định 135/2005/NĐ-CP:...ha; đạt.....% so với tổng diện tích giao khoán theo Nghị định 01/CP.

- Diện tích khoán mới theo Nghị định 135/2005/NĐ-CP:...ha; đạt.....% so với tổng diện tích được giao.

- Số lao động chuyển từ khoán 01/CP sang nhận khoán theo Nghị định số 135/2005/NĐ-CP:.....người, bằng% so với tổng số lao động nhận khoán 01/CP.

- Số lao động nhận khoán mới theo Nghị định 135/2005/NĐ-CP:người.....% so với tổng số lao động.

- Đánh giá kết quả khoán theo Nghị định 01/CP và Nghị định 135/NĐ-CP của Chính phủ:

+ Kết quả đạt được:

+ Hạn chế, yếu kém:

+ Nguyên nhân hạn chế, yếu kém:

8. Hiệu quả sản xuất kinh doanh: (các chỉ tiêu này tính đến 30/6/2012 và so sánh từng chỉ tiêu so với trước sắp xếp).

- Khối lượng sản xuất kinh doanh (một số loại sản phẩm cây trồng, vật nuôi chính):đơn vị tấn.

- Năng suất bình quân một số cây trồng, vật nuôi chính:...đơn vị/ha.

- Giá trị sản lượng: Tổng số:.....triệu đồng.

- Giá thành sản phẩm (một số loại sản phẩm cây trồng, vật nuôi chính) :.....đồng/kg.

- Doanh thu: Tổng số.....triệu đồng; bình quân:...triệu đồng/đơn vị.

- Lợi nhuận trước thuế :triệu đồng; bình quân.....triệu đồng/đơn vị.

- Lợi nhuận sau thuế : triệu đồng; bình quân.....triệu đồng/đơn vị.

- Nộp ngân sách: ...triệu đồng; bình quân.....triệu đồng/đơn vị.

- Thu nhập bình quân: / người/tháng.

- Đánh giá khái quát kết quả sản xuất kinh doanh của các đơn vị.

III. NHỮNG HẠN CHẾ, YẾU KÉM

- Về mô hình tổ chức.

- Về quản lý sử dụng đất.

- Về tài chính, tín dụng.

- Về khoán.

- Về sản xuất kinh doanh.

IV. NGUYÊN NHÂN TỒN TẠI

1. Về khách quan:

2. Về chủ quan:

- Nhận thức.

- Thể chế, cơ chế chính sách.

- Tổ chức, chỉ đạo thực hiện

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá tổng quát về kết quả đạt được và hạn chế yếu kém có so sánh với mục tiêu Nghị quyết, Nghị định đề ra và đề án sắp xếp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Hạn chế yếu kém:

VI. KIẾN NGHỊ

1. Phương hướng tiếp tục sắp xếp nông, lâm trường quốc doanh trong thời gian tới.

2. Giải pháp thực hiện.



Phụ lục I

PHẠM VI SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI TRƯỚC VÀ SAU THỰC HIỆN SẮP XẾP

(Ban hành kèm theo Công văn số ~~1870~~ 1870/TTg-ĐMDN
ngày 07 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị báo cáo:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu	Trước khi sắp xếp, đổi mới	Sau sắp xếp (tính đến 30/9/2012)	So sánh
(1)	(2)	(3)		(5)
I	Tổng diện tích đất tự nhiên được giao:			
1	Đất nông nghiệp			
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp			
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm			
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm			
1.2	Đất lâm nghiệp			
1.2.1	Rừng sản xuất:			
1.2.2	Rừng phòng hộ			
1.2.3	Rừng đặc dụng			
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản (hồ, ao,...)			
1.4	Đất nông nghiệp khác			
2	Đất phi nông nghiệp			
2.1	Đất ở			
2.2	Đất trụ sở doanh nghiệp			
2.3	Đất sản xuất kinh doanh (đất nhà máy chế biến, cơ sở chế biến,...)			
2.4	Đất phi nông nghiệp còn lại			
II	Hình thức giao quản lý sử dụng:			
1	Diện tích đất được giao không thu tiền			
2	Diện tích đất đã ký hợp đồng thuê			
3	Diện tích đã được cấp GCNQSD đất			
III	Các hình thức sử dụng:			
1	Đất tự tổ chức sản xuất			
2	Khoán theo Nghị định 01/CP			
3	Khoán theo Nghị định 135/NĐ-CP			
4	Khoán theo các hình thức khác			
5	Đất liên doanh, liên kết			

6	Đất cho thuê			
7	Đất cho mượn			
8	Đất bị lấn chiếm			
9	Đất tranh chấp			
10	Đất để hoang, chưa sử dụng			
IV	DT dự kiến bàn giao về địa phương			
V	Diện tích đất đã bàn giao về địa phương			



Phụ lục II
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH, LAO ĐỘNG, HIỆU QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH
(Ban hành kèm theo công văn số 1270/TTg-ĐMDN
ngày 07 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị báo cáo:.....

STT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Trước khi sắp xếp	Sau sắp xếp thời điểm (30/6/2012)	So sánh
I	Về tài chính:				
1	Vốn điều lệ	triệu đồng			
2	Vốn chủ sở hữu	triệu đồng			
3	Vốn vay	triệu đồng			
4	Các khoản phải thu	triệu đồng			
5	Các khoản phải trả	triệu đồng			
6	Kết quả xử lý tài chính	triệu đồng			
7	Kết quả bàn giao cơ sở hạ tầng.....	triệu đồng			
II	Lao động:				
1	Tổng số lao động	người			
1.1	Lao động trong danh sách biên chế	người			
1.2	Lao động là hộ nhận khoán	người			
1.2.1	Lao động là người nghỉ hưu nhận khoán	người			
1.2.2	Lao động là dân tại chỗ	người			
III	Hiệu quả SXKD:				
1	Doanh thu	triệu đồng			
2	Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng			
3	Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng			
4	Nộp ngân sách	triệu đồng			
5	Thu nhập bình quân	triệu đồng/ng/th			
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	%			